

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 13/09/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29206565760	Nguyễn Phan Phương Ân	24/03/2004	Quảng Trị	32TSC3	3.7	2.3	Không Đạt	
2	28212347422	Nguyễn Công Tuấn Anh	08/05/2004	Quảng Trị	32TYC4	8.7	2.8	Không Đạt	
3	30208036001	Nguyễn Thị Vân Anh	23/12/2006	Đà Nẵng	32TYC4	6.3	3.5	Không Đạt	
4	30218058185	Nguyễn Hữu Ánh	04/03/2006	Quảng Trị	32TYC4	4.3	4.5	Không Đạt	
5	29209521458	Nguyễn Thị Bích	23/10/2005	Đắk Lắk	32TYC4	10.0	7.5	Đạt	
6	28208102706	Nguyễn Ngọc Minh Châu	21/02/2004	Quảng Nam	31TBN13	9.7	8.8	Đạt	
7	28205254425	Lê Hữu Loan Chi	10/06/2003	Quảng Trị	31TBN19	7.0	3.8	Không Đạt	
8	28217452392	Trịnh Quốc Cường	11/02/2004	Thái Bình	32CBN4	9.3	10.0	Đạt	
9	27215439276	La Kiến Đạt	31/10/2003	Trà Vinh	32CBN4	V	V	Không Đạt	
10	28217353004	Lăng Hải Dương	16/09/2004	Lâm Đồng	32TYC4	4.7	5.3	Không Đạt	
11	27215326483	Nguyễn Hoàng Dương	11/07/2003	Nghệ An	32TYC3	5.3	5.0	Đạt	
12	30209441291	Nguyễn Thị Châu Giang	15/06/2006	Hà Tĩnh	32TYC4	V	V	Không Đạt	
13	30204629317	Dương Thị Mỹ Hà	08/03/2006	Quảng Ngãi	32TYC4	8.7	5.0	Đạt	
14	30204640289	Thái Thị Lệ Hằng	09/07/2006	Quảng Trị	32THT4	7.3	1.5	Không Đạt	
15	28208003545	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/02/2004	Quảng Nam	31SHT10	8.7	5.0	Đạt	
16	28217354026	Nguyễn Phi Hùng	08/10/2004	Tây Ninh	32CBN4	7.7	8.3	Đạt	
17	28218150818	Nguyễn Gia Huy	30/06/2004	Quảng Nam	31TBN13	6.7	5.5	Đạt	
18	29209521752	Nguyễn Thị Bích Huyền	14/02/2005	Đắk Lắk	32TYC4	10.0	5.8	Đạt	
19	28214331267	Hồ Hoàng Khang	17/11/2004	Phú Yên	32TBN2	5.3	3.5	Không Đạt	
20	28214638525	Trần Nguyên Khang	09/06/2004	Đà Nẵng	31TYC12	7.0	3.0	Không Đạt	
21	26215334494	Đoàn Bùi Minh Khánh	30/11/2002	Phú Yên	32TYC4	8.0	7.3	Đạt	
22	28212305317	Phạm Hoàng Lâm	19/03/2004	Quảng Bình	32TYC4	6.0	6.5	Đạt	
23	28204941092	Nguyễn Thị Bảo Linh	04/07/2004	Hà Tĩnh	32TBN2	4.3	5.0	Không Đạt	
24	27215453400	Phan Hà Linh	29/09/2003	Hải Dương	32CBN4	8.0	6.0	Đạt	
25	30206522482	Võ Thị Thúy Loan	09/07/2006	Quảng Ngãi	32CBN4	9.7	6.8	Đạt	
26	30208158043	Ngô Thị Thanh Lộc	16/01/2006	Quảng Nam	32CBN4	9.7	6.0	Đạt	
27	28212304705	Hồ Văn Long	21/07/2004	Bình Định	32TYC4	7.0	6.5	Đạt	
28	29204861429	Huỳnh Thị Thảo Ly	04/11/2005	Quảng Ngãi	32CHT3	9.0	3.8	Không Đạt	
29	28217404385	Lê Trần Gia Minh	17/11/2004	Đà Nẵng	32CBN4	6.0	9.0	Đạt	
30	31210253054	Phạm Chí Minh	07/11/2006	Đà Nẵng	32TYC4	3.3	7.5	Không Đạt	
31	29207448294	Phạm Thị Trà My	01/05/1999	Quảng Bình	32TYC4	9.7	8.0	Đạt	
32	29208164930	Huỳnh Nguyễn Ly Na	21/11/2005	Quảng Nam	32CBN4	9.7	6.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	30206558914	Nguyễn Lê Na	10/06/2006	Đắk Lắk	32TYC4	7.3	5.8	Đạt	
34	28207404733	Lê Hiền Ngân	07/11/2004	Quảng Ngãi	32CBN4	8.7	8.3	Đạt	
35	28217402711	Nguyễn Duy Ngọc	14/08/2004	Lâm Đồng	32CBN4	6.7	8.8	Đạt	
36	30204552769	Nguyễn Thị Bích Ngọc	31/10/2006	Quảng Nam	32CBN4	8.3	5.0	Đạt	
37	29205261995	Hoàng Khánh Nguyên	19/01/2005	Quảng Trị	32THT3	6.7	3.3	Không Đạt	
38	28207403185	Trương Thị Nhâm	12/01/2004	Quảng Bình	32CBN4	9.3	8.5	Đạt	
39	29214644597	Phạm Công Nhân	01/03/2005	Quảng Nam	32CSC2	9.0	5.5	Đạt	
40	27215338532	Mai Phan Xuân Nhật	09/02/2001	Bình Thuận	32TYC3	7.7	6.5	Đạt	
41	30206554693	Bùi Thị Tâm Như	08/01/2006	Quảng Nam	32CBN4	9.0	7.5	Đạt	
42	30204856083	Lê Tâm Như	01/10/2006	Đắk Lắk	32TYC4	V	V	Không Đạt	
43	30204826309	Lê Thị Quỳnh Như	07/03/2006	Quảng Bình	32TYC4	5.3	3.5	Không Đạt	
44	28207135923	Trần Thị Hồng Như	04/09/2004	Quảng Nam	31CBN3	3.3	3.0	Không Đạt	
45	30216258706	Nguyễn Trọng Phước	14/09/2006	Đà Nẵng	32CBN4	4.7	8.5	Không Đạt	
46	30206554706	Đặng Thị Thu Phương	08/03/2006	Quảng Nam	32TYC4	7.3	7.5	Đạt	
47	27205230090	Đinh Nguyễn Minh Quý	29/05/2003	Lâm Đồng	32TYC3	6.7	3.0	Không Đạt	
48	30206263046	Võ Thị Kim Quyên	27/09/2006	Quảng Ngãi	32CBN4	8.3	9.0	Đạt	
49	28219433475	Hoàng Ngọc Quyền	15/09/2004	Quảng Trị	32TYC4	6.0	5.8	Đạt	
50	28207254039	Đinh Thị Như Quỳnh	17/03/2004	Quảng Nam	32TBN5	10.0	10.0	Đạt	
51	28218042132	Nguyễn Thanh Rin	01/11/2004	Đà Nẵng	31TSC10	5.0	5.5	Đạt	
52	29214353032	Phan Đức Xanh Rin	05/03/2005	Quảng Nam	32SSC2	6.0	3.5	Không Đạt	
53	28212304698	Nguyễn Thế Sáng	14/12/2004	Gia Lai	32TYC4	6.7	6.5	Đạt	
54	29206954641	Phan Thị Khánh Tâm	07/10/2005	Quảng Nam	32CBN1	7.3	4.5	Không Đạt	
55	28217401977	Lê Quốc Thái	02/01/2004	Đồng Nai	32CBN4	9.7	8.3	Đạt	
56	28218101129	Lữ Trung Thành	08/02/2004	Đắk Lắk	31TSC2	5.3	6.8	Đạt	
57	29204342773	Hoàng Thị Thu Thảo	19/11/2005	Gia Lai	32SBN2	6.3	5.0	Đạt	
58	30204460719	Nguyễn Hoài Phương Thảo	21/07/2006	Phú Yên	32CBN4	3.7	4.0	Không Đạt	
59	29209354732	Nguyễn Vy Nhật Thảo	22/09/2005	Đắk Lắk	32THT2	6.0	6.0	Đạt	
60	29204655185	Bùi Thị Thu Thi	20/09/2005	Quảng Nam	32CHT3	5.0	5.0	Đạt	
61	27208740946	Trần Ngọc Song Thư	01/04/2003	Hồ Chí Minh	32CBN4	9.0	6.5	Đạt	
62	30206754991	Trương Thị Minh Thư	22/01/2006	Quảng Nam	32CBN4	10.0	4.3	Không Đạt	
63	30214156008	Nguyễn Tấn Thuần	13/03/2006	Quảng Ngãi	32TYC4	6.7	5.3	Đạt	
64	29218038330	Trần Quốc Tín	19/05/2005	Đắk Nông	32THT2	7.3	5.0	Đạt	
65	29206524542	Lê Ngọc Thu Trâm	09/09/2005	Đà Nẵng	32TYC4	7.3	6.0	Đạt	
66	30208044325	Huỳnh Thị Kiều Trinh	22/03/2006	Quảng Nam	32CBN4	8.7	5.0	Đạt	
67	30206520581	Nguyễn Thị Trinh	02/06/2006	Quảng Trị	32TYC4	6.7	3.5	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	30206250745	Nguyễn Thị Phương	Trình	26/07/2004	Quảng Nam	32CBN4	9.0	9.5	Đạt	
69	30206551664	Võ Thị Mai	Trình	03/08/2006	Quảng Nam	32TYC4	6.7	7.3	Đạt	
70	29214654625	Phan Sỹ	Trọng	11/10/2005	Nghệ An	32CSC2	5.0	4.5	Không Đạt	
71	29204461832	Bùi Nguyễn Phương	Trúc	27/09/2005	Quảng Nam	32CBN2	8.0	5.0	Đạt	
72	26212122884	Trương Quang	Trưởng	24/01/2002	Quảng Nam	29CYC4	5.7	8.0	Đạt	
73	30212350781	Huỳnh Văn	Trưởng	12/02/2006	Quảng Ngãi	32TYC4	9.0	9.5	Đạt	
74	28217403055	Phan Văn Quý	Tuấn	26/09/2004	Quảng Nam	32CBN4	10.0	9.0	Đạt	
75	28217438274	Võ Đình	Tuấn	31/10/2004	Lâm Đồng	32TYC4	8.3	7.5	Đạt	
76	28207100371	Ngô Ánh	Tuyền	14/06/2004	Phú Yên	31TSC6	9.0	5.3	Đạt	
77	29204727262	Phạm Duy	Uyên	27/10/2005	Quảng Nam	32SBN2	7.3	5.5	Đạt	
78	29205264895	Lê Thị Cẩm	Viên	26/09/2005	Quảng Ngãi	32THT3	6.0	2.8	Không Đạt	
79	28214724190	Nguyễn Quang	Vũ	09/11/2004	Đà Nẵng	31TSC11	7.3	5.3	Đạt	
80	28217404036	Phạm Hoàng	Vũ	22/11/2004	Quảng Bình	32CBN4	7.0	8.0	Đạt	
81	28207103448	Nguyễn Lê Triệu	Vy	31/05/2004	Đà Nẵng	31CSC6	6.0	6.5	Đạt	
82	29206530580	Nguyễn Thị Tường	Vy	01/05/2005	Quảng Nam	32CSC2	9.0	3.0	Không Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh